TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2017.
V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Chu Thành Công;**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Tạ Quang Hiên;**
Bà Vũ Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Thụ** - Thẩm tra viên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà: **Bà Vũ Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2017/TLST- HNGĐ ngày 06/03/2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 2, Tổ 4, phường A, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Bị đơn: Chị Lại Thị G, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 2, Tổ 4, phường A, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Hiện tạm trú tại: xóm Đình, Tổ dân phố số 18, phường B, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và trong các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng H trình bày:

Tôi và chị Lại Thị G kết hôn ngày 13/4/1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Nay là UBND phường A, quận

Bắc Từ Liêm, Hà Nội), trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, chúng tôi về chung sống cùng mẹ đẻ của tôi tại xã B, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ban đầu cuộc sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc. Cho đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Cô G giám sát kinh tế, không tôn trọng tôi, trong khi kinh tế gia đình do tôi lo liệu toàn bộ. Cô ấy thu giữ toàn bộ tiền thu được từ các phòng sinh viên và cửa hàng cho thuê, khoảng 30.000.000 đồng/1 tháng nhưng lại không chăm lo cho gia đình, chồng con. Đến năm 2014 thì chúng tôi sống ly thân, mặc dù sống trong một nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng, không hỏi han quan tâm đến nhau. Đã từ lâu chúng tôi không hề nói chyện với nhau, cũng không nhìn mặt nhau nữa. Từ trước khi cô G ra ngoài sống, chúng tôi đã có một quãng thời gian dài không nói chuyện, không có quan hệ tình cảm qua lại với nhau, mặc dù ở cùng nhà nhưng việc ai người ấy làm, không quan tâm lo lắng cho nhau, có chăng chỉ là vì con cái mà sống cùng một nhà. Nhưng đến tháng 12/2016 mâu thuẫn đã lên đến đỉnh điểm, chúng tôi đã sống ly thân mỗi người một nơi. Trong suốt quá trình từ cuối năm 2016 đến nay, chúng tôi không một lần gặp gỡ, trao đổi và chưa bao giờ có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tôi cũng chưa bao giờ nghĩ đến việc có thể quay lại để cùng chung sống với cô G nữa. Nguyên nhân thì rất nhiều, tôi đề nghị Tòa tiến hành xác minh tại địa phương để làm rõ những việc mà cô G đã gây ra. Một người phụ nữ đã làm mẹ của hai đứa con mà lại có người đàn ông khác ở bên ngoài và còn đến tận nhà tôi để gây chuyện đánh tôi thì không thể chấp nhận được.

Từ năm 2013 cô G đã một lần đưa bạn trai về nhà tôi ăn uống rồi xảy ra mâu thuẫn, anh ta đã đánh tôi và bố tôi. Lúc đó tôi đã mời gia đình nhà cô G đến để nói chuyện, nhưng đến năm 2016 lại tiếp diễn, nên tôi không thể chấp nhận chung sống cùng cô G nữa.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với cô G. Việc cô G nói là còn tình cảm với tôi và muốn đoàn tụ chỉ là nói dối, từ khi ra ngoài cô G không hề có một động thái tích cực nào để mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa bao giờ gọi điện, nói chuyện với tôi, cũng không về nhà. Tôi vẫn nghe hàng xóm xì xào về việc cô G thuê nhà ở B và đi lại với người đàn ông kia. Nếu Tòa không giải quyết cho tôi và cô G ly hôn thì tôi sẽ không đảm bảo được là tôi có thể chung sống với cô G nữa, nếu phải sống cùng nhau chúng tôi sẽ xảy ra tranh cãi và có thể đánh nhau, vì tôi không muốn nhìn thấy mặt cô G thêm một phút nào. Tình cảm vợ chồng tôi đã đến mức rạn nứt, có thể nói mâu thuẫn đã đếm mức trầm trọng, không thể chung sống được với nhau nữa, nên tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với cô G.

Về con chung: Tôi và cô G có 02 con chung là Nguyễn Trọng T, sinh ngày 01/7/1999 và Nguyễn Trọng S, sinh ngày 29/10/2003. Hiện cháu Thành đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét, cháu ở với ai là tùy cháu.

Còn cháu Sơn, tôi xin được nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu cô G cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù cháu Thành đã trên 18 tuổi nhưng thực tế cháu còn đang ăn học, chưa có công ăn việc làm để tự nuôi sống bản thân, nên tôi sẽ có trách nhiệm chu cấp cho cả hai cháu việc ăn học, may mặc và các chi phí sinh hoạt khác.

Về tài sản chung: Chúng tôi có tài sản chung, nhưng chúng tôi tự giải quyết, không yêu cầu Tòa phân chia. Tất cả các tài sản đó, sau này chúng tôi sẽ cho các con khi các cháu trưởng thành, nên chúng tôi không đề nghị Tòa án giải quyết mà tạm thời sẽ do tôi quản lý, thu tiền để lo việc ăn học, sinh hoạt cho các con.

Về công nợ: Không đề nghị Tòa xem xét.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2017 và trong các biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn chị Lại Thị G trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Trọng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, về thời gian và điều kiện kết hôn như anh H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống cùng gia đình nhà chồng tại xã B, huyện Từ Liêm (Nay là phường A, quận Bắc Từ Liêm). Cuộc sống vợ chồng diễn ra hạnh phúc, bình thường. Cũng có thời gian chồng tôi ghen tuông tôi vô cớ, chửi mắng tôi nhưng tôi nghĩ đến hai con, các cháu còn nhỏ nên tôi nén tâm để hai cháu ăn học. Cho đến cuối năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vào ngày 29 tết âm lịch, tôi có bảo con là mẹ không đi mua được hoa quả thắp hương, con bảo bố đi mua. Sau đó mẹ chồng và chồng tôi đi mua về thì chồng tôi đấm và đánh chửi tôi cho đến đêm. Chồng tôi nói là mày không ra khỏi nhà đêm nay tao đâm mày chết. Tôi sợ quá gọi bố mẹ chồng và ông trưởng thôn, sau đó có ông phó thôn sang giải quyết. Tối hôm đó tôi đã ra khỏi nhà mang theo mấy bộ quần áo, tôi đi thuê nhà sống từ đó cho đến nay. Nay tôi không thể nói chuyện được với anh H, tôi cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tôi nhờ Tòa án giải quyết kéo dài thời gian để anh H có thời gian suy nghĩ về những mâu thuẫn vợ chồng, cái đúng, cái sai giữa chúng tôi. Anh H có đơn xin ly hôn, tôi thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, hai con còn đang ăn học, tôi cảm nhận anh H không còn tình cảm với tôi nữa, nhưng tôi không muốn ly hôn trong thời điểm này.

Về con chung: Tôi và anh H có 02 con chung như anh H trình bày là đúng. Hiện cháu Thành đã trưởng thành, tùy cháu quyết định việc ở cùng ai, còn cháu Sơn sẽ do anh H nuôi dưỡng vì điều kiện của tôi hiện nay ra ngoài đi thuê nhà chật chội, cũng không có chỗ cho các cháu ở. Về kinh tế hiện nay của tôi rất khó khăn, đi làm thuê phải chi phí trả tiền thuê nhà và lo sinh hoạt hàng tháng nên không có tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H. Quan điểm của tôi là trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng xây dựng được một vài căn phòng cho sinh viên thuê và bán hàng, nay anh H ở cùng các con quản lý tài sản trên thì anh H có trách nhiệm lo hết cho các con.

Về tài sản chung: Chúng tôi có tài sản chung, tại những buổi làm việc đầu tiên ở Tòa, tôi có đề nghị Tòa chia tài sản chung vợ chồng, nhưng sau này suy nghĩ kỹ, vợ chồng tôi đã thống nhất, tài sản chung này sẽ cho các con khi các cháu trưởng thành, nên không đề nghị Tòa giải quyết nữa mà sẽ để anh H tạm thời quản lý, thu tiền lo cho các con ăn học.

Về công nợ: Không đề nghị Tòa xem xét.

Tại phiên tòa:

- Anh Nguyễn Trọng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lại Thị G, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng S và có trách nhiệm chăm lo việc học hành, chi phí sinh hoạt cho cả hai con, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, chúng tôi có tài sản chung nhưng tôi không đề nghị Tòa giải quyết;

Về công nợ: Không đề nghị Tòa xem xét.

- Chị Lại Thị G trình bày: Tôi không đồng ý việc anh H xin ly hôn với tôi, vì tôi thấy vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì mấy. Do tôi không muốn ly hôn, nên tôi không đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng chúng tôi. Nếu trường hợp Tòa án xử cho anh H được ly hôn với tôi, thì sau này tôi sẽ có đơn đề nghị Tòa phân chia tài sản sau ly hôn bằng một vụ án khác;

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Trọng T, và Nguyễn Trọng S, Hiện cháu Thành đã trưởng thành trên 18 tuổi, cháu ở với ai là tùy cháu. Còn cháu Sơn thì trước đây tôi đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng nay tôi lại có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu. Nếu Tòa giao con cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng tôi đề nghị anh H cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật;

- Về công nợ: Không đề nghị Tòa án xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát quận Bắc Từ Liêm phát biểu: Thẩm phán đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án năm 2009;

Nghị Quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng H đối với chị Lại Thị G;

- Về con chung: Cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 01/07/1999 đã trưởng Thành nên không xét việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng;

- Giao con Nguyễn Trọng S cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng;

- Về tài sản chung và công nợ: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Anh H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Trọng H và chị Lại Thị G kết hôn ngày 13/4/1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về sống tại Đình Quán, xã B, nay là Số 2, Tổ dân phố số 4, phường A, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

Về Hôn nhân: Quá trình chung sống anh H, chị G sống với nhau hạnh phúc. Đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của anh chị không hợp nhau, cho nên trong cuộc sống hàng ngày đã xảy ra nhiều va chạm, đến ngày 29 tháng 12 âm lịch năm 2016, chị G đã phải ra ngoài thuê nhà trọ để ở và sống ly thân với anh H suốt từ đó cho đến nay, quá trình sống ly thân giữa chị G và anh H cũng không gặp gỡ nhau để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Khi anh H có đơn đến Tòa án xin được ly hôn với chị G, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, mục đích để anh chị có tiếng nói chung, nhưng anh H vẫn kiên quyết xin được ly hôn với chị G.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, gia đình và hàng xóm nơi anh H, chị G sinh sống. Hội đồng xét xử thấy việc mâu thuẫn giữa chị G và anh H là có. Ngoài ra việc anh chị mâu thuẫn vì có người đàn ông khác đến nhà gây chuyện, đánh chửi anh H là có thật, có sự chứng kiến của bố mẹ anh H và hàng xóm láng giềng. Chị G nhờ Tòa án giải quyết kéo dài thời gian để anh H có thời gian suy nghĩ về những mâu thuẫn vợ chồng, cái đúng, cái sai, còn anh H khẳng định vợ chồng không thể cải thiện được mâu thuẫn, anh không thể chung sống thêm được một ngày nào cùng chị G nữa. Như vậy có thể khẳng định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị G là trầm trọng và đã kéo dài, khả năng đoàn tụ là không

có, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh H xin ly hôn với chị G là phù hợp với thực tế. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Trọng H đối với chị Lại Thị G.

Về con chung: Anh H, chị G có 02 con chung là Nguyễn Trọng T, sinh ngày 01/7/1999 và Nguyễn Trọng S, sinh ngày 29/10/2003. Hiện cháu Thành đã trưởng thành, trên 18 tuổi, nên Tòa án không xem xét, giải quyết việc cháu ở với ai. Đối với cháu Nguyễn Trọng S, trước khi mở phiên tòa, anh H, chị G thỏa thuận giao cho anh Nguyễn Trọng H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, cả anh H và chị G đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Sơn.

Xét việc cả anh H và chị G đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cũng là chính đáng. Song giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ quyền lợi của đứa trẻ, phải đảm bảo được cả về đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo được sự phát triển bình thường cho con chung. Chị G hiện phải ra ngoài thuê nhà trọ để ở, công việc của chị vẫn chưa ổn định. Anh H hiện có nhà bốn tầng xây trên đất của bố mẹ anh tại tổ 4 phường A, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, anh H có nguồn thu nhập ổn định từ tiền cho thuê nhà, hiện anh đang ở cùng hai con Nguyễn Trọng T và Nguyễn Trọng S**,** để tránh ảnh hưởng, xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng sự sinh hoạt bình thường của cháu Sơn. Mặt khác, căn cứ lời khai của cháu Nguyễn Trọng S (BL 116) thì cháu có nguyện vọng ở cùng với bố. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có quy định khi cha mẹ ly hôn: Nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Vì vậy Hội đồng xét xử giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh H không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và công nợ: Do các bên đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Trọng H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nhận định trên, Hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

xử :

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng H đối với chị Lại Thị G. Cho anh Nguyễn Trọng H được ly hôn với chị Lại Thị G.

2. Về con chung, anh H chị G có hai con chung là: Nguyễn Trọng T, sinh ngày 01/7/1999 và cháu Nguyễn Trọng S, sinh ngày 29/10/2003.

- Khi anh H, chị G ly hôn, cháu Nguyễn Trọng T đã trưởng thành, việc cháu ở với ai là tùy cháu, nên Tòa án không xem xét.

- Giao cháu Nguyễn Trọng S cho anh Nguyễn Trọng H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì vậy tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị G cho đến khi nào hai bên anh H, chị G có sự thay đổi khác;

- Chị G có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và về công nợ: Anh H, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo Biên lai số AB/2014/05190 ngày 06/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm. Anh H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Chu Thành Công

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Q. Bắc Từ Liêm;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- UBND phường A;
- Các đương sự;